FireAnt

CTCP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội (UPCOM: HNR)

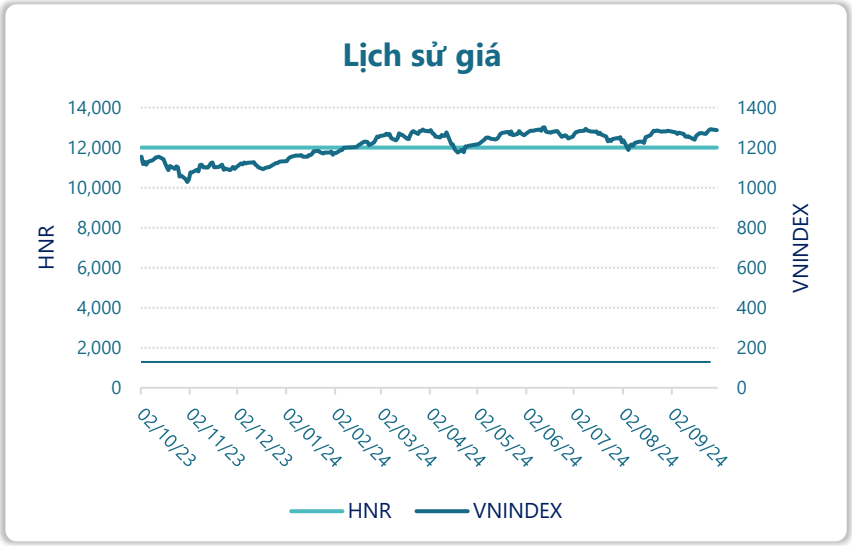

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,000
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	45.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	240
P/E	-20.5
EPS	-584

DT thuần

Q3/24

22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.20| -1.0%

YoY: ▲ 1.40| 6.5%

LN sau thuế

Q3/24

-4.95

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.97| -66.2%

YoY: ▼2.67| -117%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

-22.2%

+/- YoY: ▼ 11.3%

DT thuần

9T 2024

79.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.1| 16.2%

LN sau thuế

9T 2024

-7.47

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.80| -31.7%

ROE

Q3/24

-3.4%

+/- YoY: ▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh

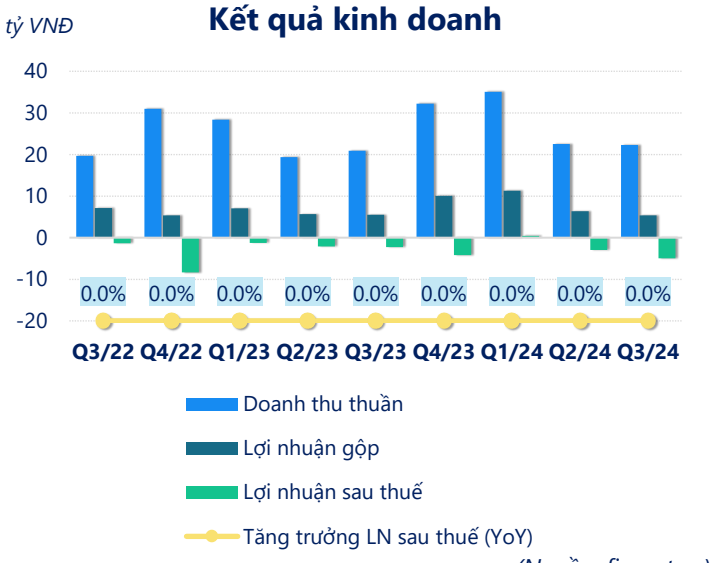

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

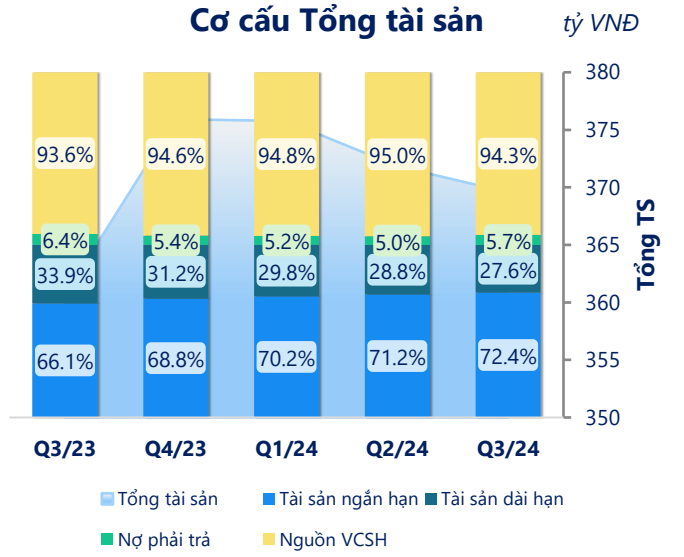

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

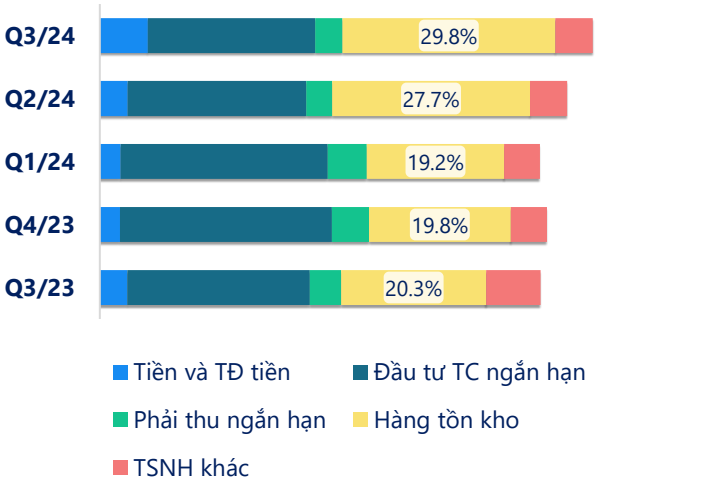

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

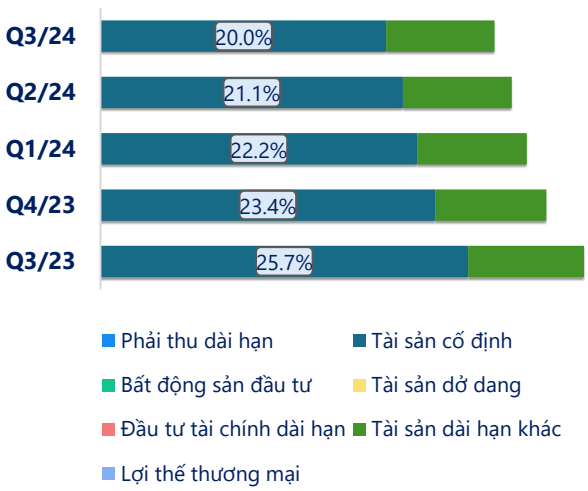

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

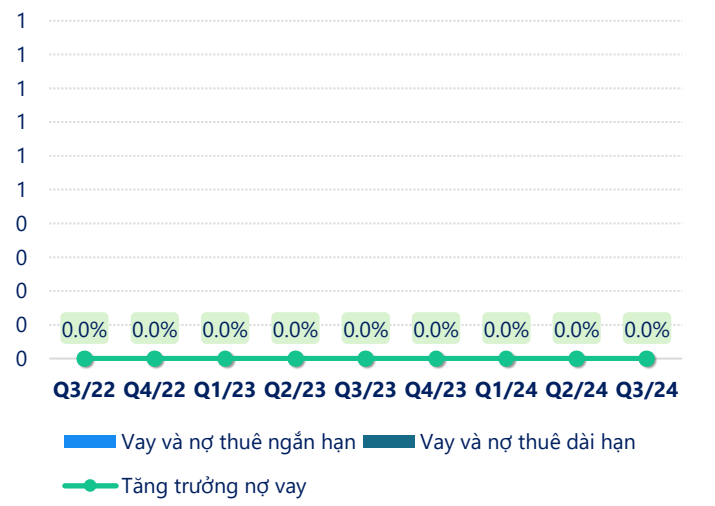

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

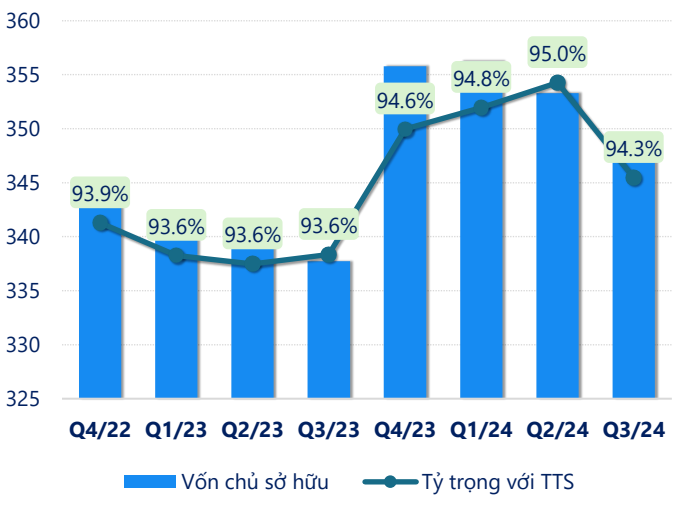

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

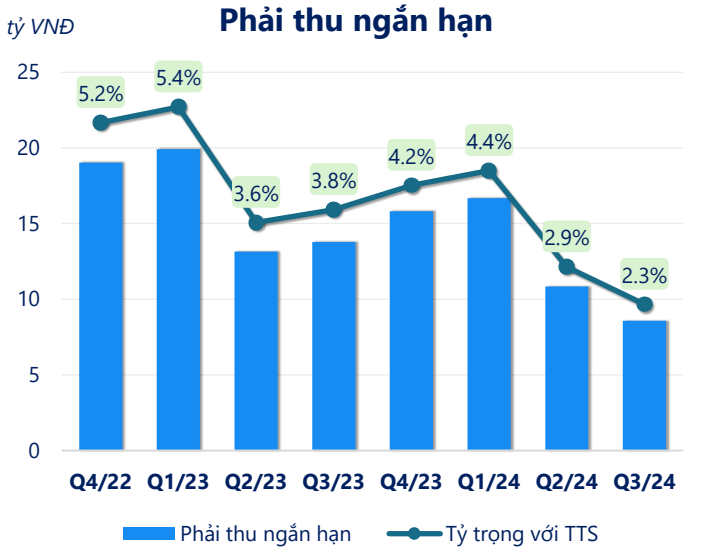

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

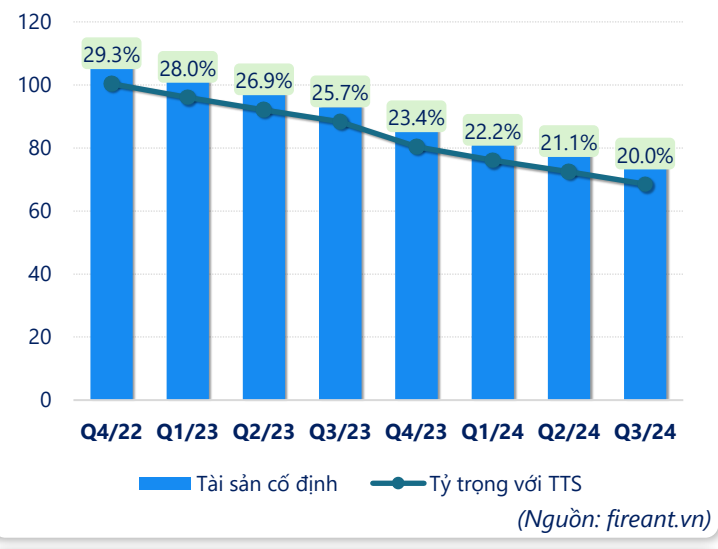

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

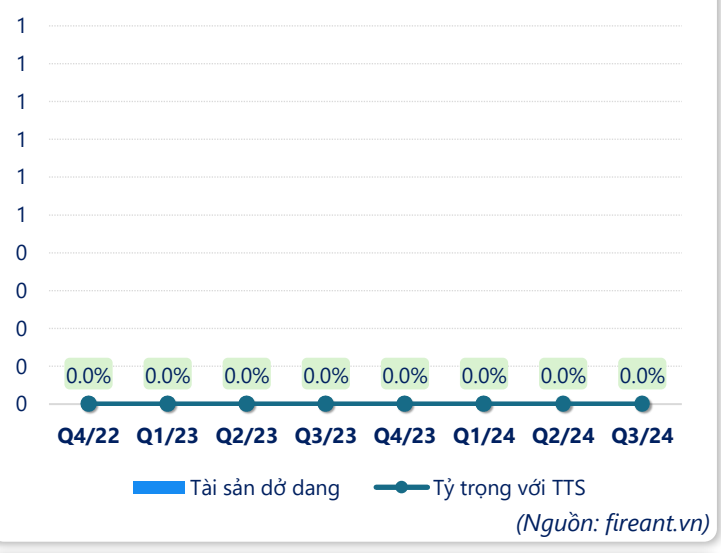

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

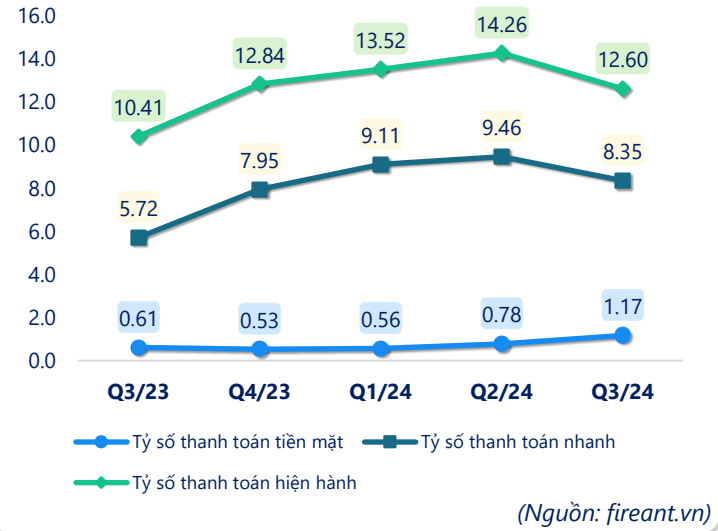

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

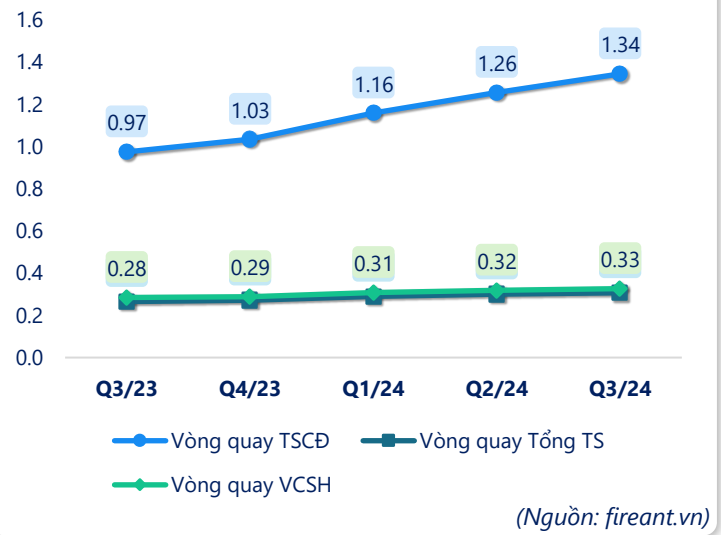

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**361**	**376**	**376**	**372**	**370**
Tài sản ngắn hạn	**239**	**259**	**264**	**265**	**268**
Tiền và tương đương tiền	13.9	10.7	11.0	14.4	24.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	84.5	96.8	131	130	125
Phải thu ngắn hạn	13.8	15.8	16.7	10.8	8.57
Hàng tồn kho	107	98.5	86.1	89.2	90.3
Tài sản ngắn hạn khác	18.9	36.8	18.5	20.3	18.5
Tài sản dài hạn	**122**	**117**	**112**	**107**	**102**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.10	0.10
Tài sản cố định	92.9	88.1	83.4	78.6	73.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	29.3	29.2	28.8	28.4	28.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**22.9**	**20.1**	**19.5**	**18.6**	**21.2**
Nợ ngắn hạn	**22.9**	**20.1**	**19.5**	**18.6**	**21.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.26	3.81	2.56	4.17	6.09
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**338**	**356**	**356**	**353**	**348**
Vốn chủ sở hữu	**338**	**356**	**356**	**353**	**348**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)